

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1378/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 320/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 62C/9, tổ 39B, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thái Tuấn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 62C/9, tổ 39B, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Thị Lệ H) và ông Thái Tuấn Đ tự nguyện chung sống với nhau, kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh HT và được UBND xã ĐL cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 16/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, cho đến giữa năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Đ sống với người phụ nữ khác bên ngoài. Tuy nhiên, tôi bỏ qua mọi chuyện vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi

con. Đến năm 2018, do kinh tế gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, ông Đ không chịu đi làm kiếm tiền phụ tôi để nuôi con. Năm 2019, tôi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại TAND thành phố Biên Hòa, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng vì thương các con và cũng cho ông Đ một cơ lo làm việc kiếm tiền để cùng tôi nuôi các con nên tôi đã quyết định rút đơn về. Cho đến nay thì tôi nhận thấy ông Đ vẫn không thay đổi, không chịu đi làm kiếm tiền phụ giúp với tôi nuôi con mà để mình tôi quán xuyến, khi tôi đi làm về thì ông Đ kiếm chuyện với tôi dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Ông Đ cũng tuyên bố với gia đình bên ngoại là ông Đ không còn muốn sống chung với tôi nữa và có những lời lẽ xúc phạm đến tôi. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2020, mỗi người ở một nơi, không còn sống chung đời sống vợ chồng, có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Thái Tuấn Đ.

- Về con chung: Tôi và ông Thái Tuấn Đ có 03 con chung tên Thái Huyền M, sinh ngày 09/02/2009, Thái Tuấn T, sinh ngày 08/11/2014 và Thái Bảo T1, sinh ngày 10/8/2018. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao 03 con chung trên cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Bị đơn ông Thái Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 31/7/2020 có tại hồ sơ bị đơn ông Thái Tuấn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn ông Thái Tuấn Đ thống nhất với đơn khởi kiện của bà H về kết hôn, đăng ký hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau; tháng 6/2020, bà H đi qua đêm ở Vũng Tàu không thông báo cho tôi biết trước, khi về tôi tức giận có lớn tiếng xúc phạm đối với bà H và tôi xác định có nói câu “không còn muốn sống chung với bà H nữa”. Bà H nói tôi có người phụ nữ khác bên ngoài năm 2010 là không đúng. Việc bà H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án vào năm 2019 là có thật, do vợ chồng hàn gắn đoàn tụ gia đình được với nhau để nuôi dạy các con nên bà H rút đơn về. Bà H nói tôi không góp tiền nuôi con là không đúng mà tôi làm nghề điện lạnh, thu nhập 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng tôi góp tiền nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2020, mỗi người ở một nơi, có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Tôi không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Lệ H vì tôi vẫn còn thương vợ và con, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân vẫn đạt được.

- Về con chung: Tôi và bà Trần Thị Lệ H có 03 con chung tên Thái Huyền M, sinh ngày 09/02/2009, Thái Tuấn T sinh ngày 08/11/2014 và Thái Bảo T1, sinh ngày 10/8/2018. Khi ly hôn, tôi (Đ) đồng ý giao 03 con chung M, T và T1 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:
 - + Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.
 - + Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.
 - + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.
 - + Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Thái Tuấn Đ thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Lệ H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Tuấn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 62C/9, tổ 39B, khu phố 11, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn bà H làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn ông Thái Tuấn Đ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ H và ông Thái Tuấn Đ tự nguyện chung sống với nhau kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh HT và được UBND xã ĐL cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 16/01/2008. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà H và ông Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Tuấn Đ, vì trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, mỗi người ở

mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 14/5/2020 tại Công an phường TP, thành phố BH có ghi nhận nội dung: “Ông Thái Tuấn Đ, sinh năm 1984 hiện nay có đăng ký tạm trú và đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ: Số 62C/9, tổ 39B, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để bà H và ông Đ đoàn tụ nhưng ông Đ vắng mặt không tiếp tục đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Việc ông Đ không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX thấy rằng mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là có thật, bà H và ông Đ sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, mỗi người ở mỗi một nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Đồng thời, năm 2019 bà H có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Đ nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án tiến hành hòa giải, bà H và ông Đ hàn gắn đoàn tụ gia đình được với nhau để nuôi dạy các con nên bà H đã rút đơn về. Ngày 09/6/2020, bà H lại tiếp tục có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ do vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H, xét xử cho bà H được ly hôn với ông Thái Tuấn Đ.

- Về con chung: Theo bản khai có tại hồ sơ, ông Thái Tuấn Đ đồng ý giao 03 con chung của ông Đ và bà H gồm: Thái Huyền M, sinh ngày 09/2/2009, Thái Tuấn T, sinh ngày 08/11/2014 và Thái Bảo T1, sinh ngày 10/8/2018 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý chí của ông Đ là tự nguyện nên ghi nhận. Bản khai của cháu Thái Huyền M có tại hồ sơ cho rằng “khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu được sống chung với mẹ H”, ý chí của cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Bà H hiện là kế toán của Công ty TNHH đầu tư phát triển Đại Phương Nam; địa chỉ: 346/52, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN, thu nhập một tháng khoảng 20.520.000đ (Hai mươi triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng); có nhà riêng tại địa chỉ: Số 62C/9, tổ 39B, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con và chỗ ở cho con; các cháu M, T và T1 hiện do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi bà H và ông Đ ly thân; cháu Thái Huyền M hiện đi học tại Trường THCS TT – thành phố BH, cháu Thái Tuấn T hiện đi học tại Trường Tiểu học PCT – phường TP, thành phố BH, cháu Thái Bảo T1 còn nhỏ hiện sống chung với bà H. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao các cháu M, T và T1 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ H được ly hôn với ông Thái Tuấn Đ.

- Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Thái Huyền M, sinh ngày 09/02/2009, Thái Tuấn T, sinh ngày 08/11/2014 và Thái Bảo T1, sinh ngày 10/8/2018 cho bà Trần Thị Lệ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Thái Tuấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của các con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009360 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H và bị đơn ông Thái Tuấn Đ đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;

(Đã ký)

- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã ĐL, huyện ĐT,
tỉnh HT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn